BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 09/2022/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2022*

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Pháp lệnh ngoại hối ngày 13 tháng 12 năm 2005 và Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối ngày 18 tháng 3 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn

điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 219/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính doanh nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

"**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận chủ trương các khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả dưới hình thức hợp đồng vay gắn với dự án đầu tư của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không bao gồm các doanh nghiệp là tổ chức tín dụng;

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.”.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 2 như sau:

“**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi là doanh nghiệp) bao gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là công ty độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả quy định tại Quy chế này là các khoản vay nước ngoài trung, dài hạn theo phương thức tự vay, tự chịu trách nhiệm trả nợ với Bên cho vay và không được Chính phủ bảo lãnh để thực hiện các dự án đầu tư của doanh nghiệp (sau đây gọi là khoản vay nước ngoài).

3. Bên cho vay là cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài cấp khoản vay nước ngoài cho doanh nghiệp.

4. Dự án đầu tư là tập hợp đề xuất bỏ vốn trung hạn hoặc dài hạn để tiến hành các hoạt động đầu tư kinh doanh trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định (sau đây gọi là dự án).”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

“**Điều 3. Nguyên tắc thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài**

1. Tuân thủ các quy định về huy động vốn, vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.

2. Bộ Tài chính thực hiện thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài căn cứ trên cơ sở quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền, đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu và hồ sơ quy định tại Điều 5 Quy chế này.

3. Doanh nghiệp tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả và trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản vay nước ngoài theo thỏa thuận đã ký kết.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 8 Điều 4 như sau:

“2. Dự án sử dụng khoản vay nước ngoài phải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, do doanh nghiệp làm chủ đầu tư và nằm trong kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phê duyệt chủ trương khoản vay nước ngoài.

4. Bên cho vay đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý cung cấp khoản vay nước ngoài.

5. Tổng số nợ phải trả của doanh nghiệp (bao gồm cả giá trị các khoản bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại tổ chức tín dụng) không vượt quá ba lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ để Bộ Tài chính thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014. Trường hợp huy động vốn trên mức quy định này thì phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.

8. Có phương án tài chính đảm bảo khả năng trả nợ khoản vay nước ngoài.”.

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“**Điều 5. Quy định về hồ sơ thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài**

Hồ sơ để Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu cung cấp bao gồm:

1. Công văn của cơ quan đại diện chủ sở hữu đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp, trong đó, thuyết minh cụ thể về các nội dung:

a) Việc đáp ứng các điều kiện thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài quy định tại Điều 4 Quy chế này;

b) Ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với sự cần thiết của khoản vay nước ngoài, khả năng cân đối vốn đối ứng của doanh nghiệp, khả năng trả nợ khoản vay nước ngoài, năng lực tài chính của doanh nghiệp.

2. Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương khoản vay nước ngoài, bao gồm các nội dung:

a) Mục đích vay;

b) Các điều kiện chính của khoản vay nước ngoài: Giá trị khoản vay nước ngoài, đồng tiền nhận nợ, thời hạn vay, lãi suất và các khoản phí có liên quan đến khoản vay nước ngoài, phương thức trả nợ, thời gian ân hạn, thời gian trả nợ;

c) Các điều khoản và các điều kiện cơ bản khác liên quan đến khoản vay nước ngoài (nếu có);

d) Các thông tin cơ bản trong phương án tài chính của dự án sử dụng khoản vay nước ngoài gồm tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, tiến độ giải ngân khoản vay nước ngoài, kế hoạch bố trí vốn đối ứng hàng năm của doanh nghiệp.

3. Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm của doanh nghiệp.

4. Văn bản của Bên cho vay chấp thuận cung cấp khoản vay nước ngoài để thực hiện dự án, trong đó có các điều kiện của khoản vay nước ngoài gồm: Giá trị khoản vay nước ngoài, đồng tiền nhận nợ, thời hạn vay, lãi suất và các khoản phí có liên quan đến khoản vay nước ngoài, phương thức trả nợ, thời gian ân hạn, thời gian trả nợ và các điều kiện cơ bản khác liên quan đến khoản vay nước ngoài (nếu có).

5. Quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền hoặc quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ (FDP) đối với các dự án dầu khí.

6. Phương án tài chính của dự án sử dụng khoản vay nước ngoài do doanh nghiệp lập trong đó thuyết minh số liệu tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư (vốn đối ứng của doanh nghiệp, vốn từ khoản vay nước ngoài và các nguồn vốn

khác), tiến độ giải ngân khoản vay nước ngoài, kế hoạch bố trí vốn đối ứng hàng năm, kế hoạch cân đối nguồn trả nợ khoản vay hàng năm từ khấu hao, lợi nhuận do dự án mang lại và các biểu số liệu kèm theo.

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất.

8. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất (trong trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con) đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật trong 03 năm liền kề gần nhất và báo cáo tài chính quý gần nhất của doanh nghiệp tính đến thời điểm đề nghị Bộ Tài chính thẩm định.

Trường hợp doanh nghiệp chưa đủ 03 năm hoạt động liên tục, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải có ý kiến về khả năng trả nợ kèm theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán, báo cáo tài chính quý gần nhất của doanh nghiệp.

9. Báo cáo của doanh nghiệp về giá trị các khoản bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại tổ chức tín dụng còn hiệu lực tại thời điểm cuối năm và cuối quý gần nhất tính đến thời điểm đề nghị Bộ Tài chính thẩm định (nếu có).

10. Báo cáo của doanh nghiệp về các khoản nợ quá hạn tại các tổ chức tài chính, tín dụng, nợ quá hạn liên quan đến các khoản được bảo lãnh, các khoản vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và ngân sách nhà nước tại thời điểm đề nghị Bộ Tài chính thẩm định.”.

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“**Điều 6. Trình tự, thủ tục, nội dung thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài**

1. Trong thời gian 15 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ do cơ quan đại diện chủ sở hữu cung cấp, căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Bộ Tài chính thông báo kết quả thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu.

2. Các nội dung thẩm định của Bộ Tài chính:

a) Việc đáp ứng các điều kiện thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài;

b) Tính đầy đủ của hồ sơ;

c) Tình hình tài chính của doanh nghiệp tại thời điểm thẩm định;

d) Phương án cân đối vốn đối ứng của doanh nghiệp khi vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả;

đ) Khả năng trả nợ khoản vay nước ngoài theo chủ trương đã được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt tại thời điểm thẩm định.

3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm giải trình về ý kiến, nội dung cung cấp cho Bộ Tài chính trong quá trình tổ chức thực hiện thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài.”.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:

“**Điều 8. Chế độ giám sát**

1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có trách nhiệm giám sát việc quản lý và sử dụng khoản vay nước ngoài của các doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý đảm bảo vốn vay sử dụng đúng mục đích, hiệu quả và đủ nguồn trả nợ theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp sử dụng vốn vay không đúng mục đích hoặc gặp khó khăn về tài chính có nguy cơ không trả được nợ, thì cơ quan đại diện chủ sở hữu tổ chức kiểm tra, làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan và phương án giải quyết để xem xét, xử lý theo thẩm quyền.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền và quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Cơ quan đại diện chủ sở hữu:

a) Phê duyệt chủ trương khoản vay nước ngoài và cung cấp đầy đủ hồ sơ để Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận chủ trương vay nước ngoài đối với trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế này;

b) Trường hợp có sự thay đổi về nội dung so với hồ sơ gửi Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận mà không làm thay đổi nội dung quy định tại điểm c, điểm đ khoản 2 Điều 6 Quy chế này thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ động xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền, không phải gửi Bộ Tài chính thẩm định lại.

2. Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty:

a) Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, phê duyệt chủ trương khoản vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh;

b) Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các hồ sơ, tài liệu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu về hiệu quả dự án, khả năng trả nợ khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp;

c) Chịu trách nhiệm trong việc chỉ đạo doanh nghiệp tuân thủ điều kiện, trình tự, thủ tục vay nước ngoài theo quy định của pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh; ký, thực hiện các thỏa thuận liên quan đến khoản vay nước ngoài theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức quản lý, sử dụng vốn vay đúng mục đích. Thực hiện chế độ báo cáo tình hình sử dụng khoản vay nước ngoài theo quy định của pháp luật;

đ) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện xây dựng kế hoạch trả nợ, cân đối dòng tiền đảm bảo nguồn trả nợ và thanh toán đầy đủ các khoản nợ phải trả theo đúng thời hạn đã cam kết với Bên cho vay;

e) Trường hợp doanh nghiệp không trả được nợ do nguyên nhân chủ quan thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, người có liên quan bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp.”.

Điều 2. Thay thế, bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1.Thay thế một số cụm từ sau đây:

a) Thay thế cụm từ “xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ” bằng cụm từ “thẩm định, chấp thuận chủ trương các khoản vay nước

ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ" quy định tại Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quy chế này;

b) Thay thế cụm từ "xem xét, thẩm tra, chấp thuận khoản vay nước ngoài", "thẩm định, chấp thuận khoản vay nước ngoài", "xem xét, chấp thuận khoản vay nước ngoài", "thẩm tra, chấp thuận khoản vay nước ngoài" bằng cụm từ "thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài" quy định tại Quy chế này.

2. Bãi bỏ nội dung quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 4; Điều 7; khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 9 Quy chế này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2022.

2. Các trường hợp Bộ Tài chính đã tiếp nhận hồ sơ trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa hoàn thành thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại Quy chế này.

3. Đối với các khoản vay nước ngoài không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy chế này, cơ quan đại diện chủ sở hữu chủ động xem xét, quyết định theo thẩm quyền. Bộ Tài chính không thực hiện thẩm định, chấp thuận chủ trương đối với các khoản vay nước ngoài này.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để xem xét và có hướng dẫn cụ thể./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Đức Chi